

TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC TỪ HÀN QUỐC VÀ NHẬT BẢN VÀO VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thùy Dung¹, Nguyễn Thị Thanh Huyền²

Tóm tắt

Vốn hỗ trợ phát triển chính thức - Official Development Assistance (ODA) - là nguồn vốn có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Trong những năm qua Nhật Bản và Hàn Quốc (theo thống kê của OECD) là hai quốc gia có dòng vốn ODA chảy vào Việt Nam nhiều nhất, nguồn vốn này đã giúp Chính phủ Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và góp phần đạt được các thành tựu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội nổi bật, đóng góp đáng kể vào GDP, giảm tỷ lệ nghèo qua các năm. Ngược lại, trong số các nước được nhận vốn hỗ trợ phát triển chính thức từ Hàn Quốc và Nhật Bản thì Việt Nam cũng là nước đứng đầu với khối lượng vốn ODA vượt xa rất nhiều so với các nước khác. Bài nghiên cứu được thực hiện nhằm làm rõ tình hình huy động vốn ODA từ Hàn Quốc và Nhật Bản vào Việt Nam để từ đó thấy được vai trò của nguồn vốn này đối với tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội

Từ khóa: ODA, Nhật Bản, Hàn Quốc, huy động vốn ODA

MOBILIZATION OF OFFICIAL DEVELOPMENT ASSISTANCE FROM KOREA AND JAPAN TO VIETNAM

Abstract

ODA (Official Development Assistance) is an important resource for socio-economic development, especially for developing countries like Vietnam. Over the years, Japan and Korea have been the two the largest ODA providers to Vietnam, which has supported the Government of Vietnam to achieve socio-economic development goals and gain remarkable achievements in economic development and impressive social progress, contributing significantly to GDP and poverty reduction in recent years. In addition, among the countries receiving ODA from Korea and Japan, Vietnam have received the largest volume of ODA which far exceeds that of other countries

Keywords: ODA, Japanese ODA, Korean ODA, attracting ODA

1. Đặt vấn đề

Việt Nam chính thức tiếp nhận nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức từ cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế từ năm 1993. Kể từ đó, nguồn vốn này đã giúp Chính phủ Việt Nam thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và góp phần đạt được các thành tựu phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội nổi bật. Theo số liệu thống kê từ World Bank data, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ bình quân 6,25%/năm giai đoạn 2005-2015 và tỷ lệ nghèo giảm từ gần 77,09% năm 1992 xuống còn 12,02% năm 2014. Trong thời gian qua, cộng đồng tài trợ vốn phát triển tại Việt Nam đã được mở rộng rất nhiều và hiện có 51 nhà tài trợ, bao gồm 28 nhà tài trợ song phương và 23 nhà tài trợ đa phương đang hoạt động thường xuyên tại Việt Nam. Ngoài các nước là thành viên của Tổ chức OECD-DAC còn có các nhà tài trợ mới nổi như Trung Quốc, Ấn độ, Hung-ga-ri, Séc,... Ngoài nguồn vốn tài trợ ODA, ở Việt Nam còn có khoảng 600 các tổ chức phi Chính phủ quốc tế hoạt động với số tiền viện trợ hàng năm lên đến 200 triệu USD trong nhiều lĩnh vực khác nhau, liên quan trực tiếp đến đời sống người dân tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc. Hầu hết các nhà tài trợ đều có chiến lược hoặc chương

trình hợp tác trung hạn về hợp tác phát triển với Việt Nam. Theo thống kê từ OECD, trong số các nước có dòng vốn ODA vào Việt Nam trong giai đoạn 2005-2015 thì Hàn Quốc và Nhật Bản là hai quốc gia đứng đầu với lượng vốn tài trợ lớn nhất và có số liệu áp đảo so với các nhà tài trợ khác. Ngược lại, trong số các nước được nhận vốn hỗ trợ phát triển chính thức từ Hàn Quốc và Nhật Bản thì Việt Nam cũng là nước đứng đầu với khối lượng vốn ODA nhận được là lớn nhất và vượt xa rất nhiều so với các nước khác. Mặc dù hai quốc gia này có nhiều sự tương đồng về đặc điểm, mục tiêu và chiến lược trong quá trình thực hiện hỗ trợ phát triển chính thức nhưng vẫn có những điểm khác biệt trong quá trình thực hiện viện trợ cho Việt Nam. Vốn ODA từ hai nước trên có vai trò quan trọng và có tác động rất lớn tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế tại Việt Nam.

Xuất phát từ thực trạng trên, bài báo khoa học “Tình hình huy động vốn hỗ trợ phát triển chính thức của Nhật Bản và Hàn Quốc vào Việt Nam” được thực hiện nhằm đánh giá tình hình huy động vốn ODA từ hai quốc gia trên vào Việt Nam giai đoạn 2005-2015 cũng như xem xét tác động của vốn này từ hai quốc gia trên đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập thông tin và tổng quan nghiên cứu

Thông tin về số liệu bài báo được tiếp cận thông qua nguồn số liệu thứ cấp từ các báo cáo thống kê của một số tổ chức uy tín như EDCF, OECD, IMF, WB và các nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đã được thực hiện. Đối với các kết quả nghiên cứu quốc tế có thể đề cập đến đề tài của Joe Eun-Hye (2008) đưa ra so sánh Nhật Bản và Hàn Quốc với vai trò là hai nhà viện trợ ODA đối với các nước đang phát triển, tuy nhiên nghiên cứu cũng chỉ đề cập sơ qua tới việc tài trợ ODA của Hàn Quốc cho Việt Nam. Đối với các nghiên cứu liên quan tại Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu về việc huy động và sử dụng nguồn vốn ODA tại Việt Nam. Tuy nhiên, những nghiên cứu này mới dừng lại ở mức độ tổng quan, đề cập tới thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả mà chưa có nghiên cứu hay những khuyến nghị cụ thể đối với từng nhà tài trợ trong quá trình thực hiện giải ngân nguồn vốn này tại Việt Nam. Một số nghiên cứu có thể đề cập tới như: Phạm Hoàng Mai (2006) cung cấp thực trạng về ODA ở Việt Nam và đưa ra những dự đoán về xu hướng dòng chảy ODA, đề xuất một số giải pháp nhằm sử dụng nguồn vốn này một cách bền vững; Lê Quốc Hội (2007) đưa ra những giải pháp nhằm sử dụng ODA hiệu quả nhất; Huỳnh Ánh Tuyết (2005) nghiên cứu về những ảnh hưởng của ODA tới sự phát triển kinh tế Việt Nam; và các báo cáo liên quan khác.

2.2. Phương pháp phân tích thông tin:

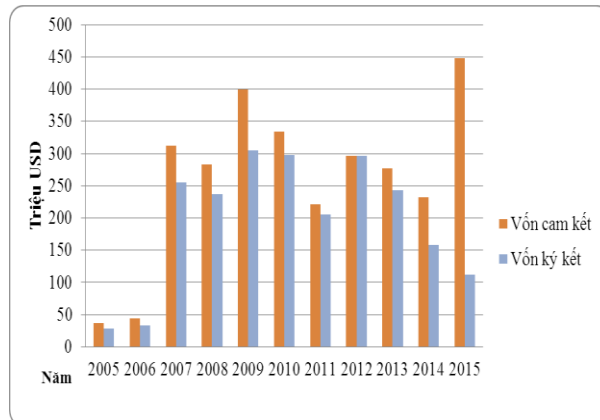
Tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích so sánh được sử dụng cho tính toán và phân tích trong nghiên cứu. Trên cơ sở đưa ra thực trạng về huy động vốn ODA từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào Việt Nam trong giai đoạn 2005-2015, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng huy động vốn ODA từ hai quốc gia trên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình huy động vốn ODA từ Hàn Quốc vào Việt Nam

Việt Nam là đối tác ưu tiên hàng đầu mà Hàn Quốc cung cấp hỗ trợ phát triển (nhận khoảng 20% tổng viện trợ của Hàn Quốc). Hiện nay, Chính phủ Hàn Quốc đang xây dựng Chiến lược đối tác phát triển (CPS) với Việt Nam cho thời kỳ 2016-2020 với dự kiến 70% tổng viện trợ sẽ dành cho 4 lĩnh vực ưu tiên là giao thông, nước và y tế, quản lý nhà nước, giáo dục. Viện trợ không hoàn lại chủ yếu do Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn

Quốc (KOICA) thuộc Bộ Ngoại giao Hàn Quốc phụ trách và được ưu tiên tập trung vào những lĩnh vực: Cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực, biến đổi khí hậu, xóa đói giảm nghèo, thông tin – truyền thông, khoa học công nghệ và phát triển đô thị. Ngoài ra, Việt Nam cũng được tiếp cận vốn vay có hoàn lại từ Chính phủ Hàn Quốc thông qua Quỹ Hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc (EDCF) nhằm góp phần phát triển kinh tế tại nước đang phát triển như Việt Nam. So sánh giữa hai tổ chức này thì lượng vốn được cấp bởi EDCF vượt trội qua các năm.



Biểu đồ 1: Quy mô vốn ODA huy động từ Hàn Quốc vào Việt Nam (2005-2015)

Nguồn: EDCF và KOICA

Tổng khối lượng vốn ODA huy động từ Hàn Quốc vào Việt Nam giai đoạn 2005-2015 là 2.172,8 triệu USD dành cho 9 lĩnh vực trong đó vốn ODA lớn nhất là dành cho lĩnh vực giao thông vận tải là 1.078,62 triệu USD (chiếm 49,64%) và ít nhất dành cho lĩnh vực cứu trợ khẩn cấp với 0,83 triệu USD (chiếm 0,038%). Ngoài ra vốn ODA ký kết mà Hàn Quốc dành cho Việt Nam cũng được chú trọng dành nhiều cho lĩnh vực công nghệ, môi trường và năng lượng với 395,55 triệu USD tương ứng 18,2%, theo sau là các lĩnh vực Y tế và sức khỏe (10,65%), Quản lý công (7,93%), giáo dục (7,62%), cấp nước và xử lý nước thải (5,02%), nông – lâm – ngư nghiệp (0,65%) và lĩnh vực khác (0,24%). Có thể thấy, vốn ODA từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong hai năm đầu của giai đoạn thấp, trung bình trên 30 triệu USD/ năm, nhưng đến năm 2007 thì vốn này bắt đầu tăng vọt lên gấp khoảng 8 lần với giá trị huy động đạt 250 triệu USD, tuy rằng con số có giảm nhẹ vào năm 2008 (18,86 triệu USD tương ứng 7,38%) nhưng cũng đã phục hồi vào năm tiếp theo (305,13 triệu USD) và tiếp tục dao động liên tục đến năm 2012 và duy trì đã giảm đến năm 2015. Nhìn chung, giai đoạn 2005- 2015 số vốn ODA cam kết của

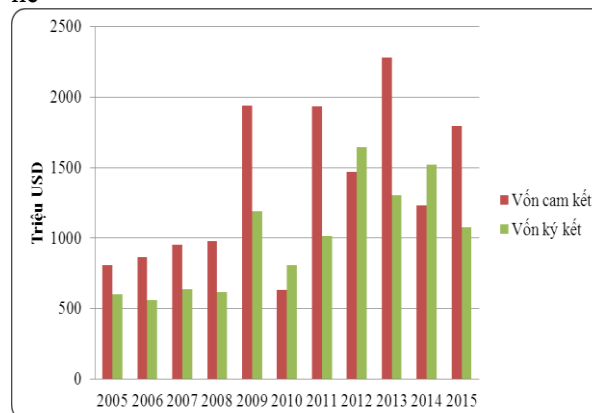
Hàn Quốc luôn lớn hơn so với vốn ký kết đặc biệt là năm 2015 chứng kiến sự chênh lệch lớn nhất (336,33 triệu USD tương ứng 75,01%) và đó cũng là năm có tỷ lệ huy động vốn ODA là thấp nhất với chỉ 24,99%. Tổng vốn ODA huy động từ Hàn Quốc vào Việt Nam giai đoạn 2005-2015 chiếm tỷ trọng 75,32% trong tổng số vốn cam kết (2.884,67 triệu USD). Điều này cho thấy khả năng huy động nguồn vốn này của Việt Nam khá tốt.

Trong giai đoạn 2016-2020, một số lĩnh vực sẽ được ưu tiên: Phát triển nông thôn, y tế, hạ tầng (giao thông, đô thị, cấp thoát nước), ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, năng lượng, quản lý nhà nước. Ngoài ra, KOICA sẽ tiếp tục dành một phần nguồn lực đóng góp cho hợp tác tài chính giữa hai nước, trước mắt là hỗ trợ kỹ thuật cho các dự án đường sắt đô thị và giao thông. Riêng năm 2016, tổng ngân sách viện trợ của KOICA dành cho Việt Nam là 31,5 triệu USD, trong đó 22,4 triệu USD dành cho 24 dự án đang được triển khai.

3.2. Tình hình huy động vốn ODA từ Nhật Bản vào Việt Nam

Chính sách ODA của Nhật Bản đối với Việt Nam chủ yếu được thực hiện thông qua 2 tổ chức là Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) và Cơ quan hợp tác và phát triển Nhật Bản (JICA) được thành lập vào tháng 10 năm 1999 trên cơ sở việc sát nhập hai tổ chức Quỹ hợp tác Kinh tế Hải ngoại Nhật Bản (OECE) và Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Nhật Bản (JEXIM). Từ tháng 10 năm 2008, theo chương trình cải cách thể chế thực hiện ODA của Chính phủ Nhật Bản, một trong những cơ quan thực hiện viện trợ ODA của Chính phủ Nhật Bản trước đó chỉ phụ trách thực hiện về Hợp tác kỹ thuật - Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) đã đổi mới, thực hiện cả phần vốn vay ODA của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), và trở thành cơ quan duy nhất thực hiện viện trợ ODA của Chính phủ Nhật Bản bao gồm cả Hợp tác kỹ thuật và Hỗ trợ kinh phí. Với tiêu chí "Phát triển Năng động và Toàn diện vì Lợi ích của Mọi người" (Inclusive and Dynamic Development), JICA mới với cơ cấu tổ chức mới, đạt mục tiêu thực hiện hợp tác quốc tế chất lượng cao phù hợp với những nhu cầu của các nước đang phát triển. Các loại hình hợp tác của JICA bao gồm: Hợp tác vốn vay (hỗ trợ cho các nước đang phát triển những khoản vay dài hạn với lãi suất thấp); viện trợ không hoàn lại (cung cấp vốn không phải hoàn trả nhằm hỗ trợ cho các nước đang phát triển để cải thiện những nhu cầu cơ bản của con người như dịch vụ y tế, phát triển nông thôn, cấp nước...); hợp tác kỹ thuật (cử chuyên gia Nhật Bản đến làm việc với các cơ quan đối tác của các nước đang phát

triển); cử tình nguyện viên (cử những người Nhật có nguyện vọng phát huy những kinh nghiệm và kỹ thuật của mình để đóng góp một cách tình nguyện cho sự phát triển của các nước đang phát triển); cứu trợ thiên tai khẩn cấp (hỗ trợ kinh phí, hàng hóa và nhân lực cần thiết cho các hoạt động cứu trợ tại các nước bị ảnh hưởng thiên tai nặng nề



Biểu đồ 2: Vốn ODA cam kết và ký kết của Nhật Bản vào Việt Nam (2005-2015)

Nguồn: OECD và JICA

Nhìn chung vốn ODA ký kết của Nhật Bản vào Việt Nam có mức dao động tương đối mạnh kể từ năm 2009 với sự tăng vọt của vốn ODA cam kết đạt trên 1.941 triệu USD, tăng 963,57 triệu USD gần gấp đôi (98,6%) so với năm 2008 trước khi sụt giảm cực mạnh tại năm 2010 với giá trị chỉ đạt 632,81 triệu USD (giảm 1.308,31 triệu USD gần gấp 3). Sự sụt giảm này là do chính sách cắt giảm chính sách ODA dành cho các nước theo chương trình cải cách thể chế thực hiện ODA của Chính phủ Nhật Bản. Nhưng vốn ODA cam kết thực tế chỉ đạt 1.191,36 triệu USD (chiếm 61,38% so với vốn cam kết). Tuy nhiên tỷ lệ vốn ký kết so với vốn cam kết của Nhật Bản năm 2010 lại vượt kế hoạch với sự gia tăng 27,65%, đây cũng là năm có sự vượt trội lớn nhất trong các năm trong giai đoạn 2005-2015. Kể từ năm 2011 đến nay, lượng vốn ODA mà Nhật Bản cam kết cũng như ký kết với Việt Nam đã được phục hồi và luôn đạt mức cao. Trong đó năm 2012 là năm mà Việt Nam thu hút được khối lượng vốn ODA từ Nhật Bản là cao nhất giai đoạn 2005-2015 với 1.646,71 triệu USD, vượt so với vốn cam kết 12%. Tiếp theo là kết quả của năm 2014 với 1.523,09 triệu USD, tăng so với năm 2013 là 16,5%. Đến năm 2015 thì số vốn ODA mà Việt Nam ký kết với Nhật Bản là 1.074,9 triệu USD, giảm 29,4% so với năm 2014. Có thể nhận thấy trong suốt giai đoạn thì có 3 năm mà vốn ODA ký kết vượt so với vốn cam kết là 2010, 2012 và 2014. Trong ba năm này

cũng có sự khởi sắc trong phát triển kinh tế xã hội Việt Nam nhờ sự phát huy tác dụng của các hiệp định đã ký với Nhật Bản. Hiện tại Nhật Bản là nhà tài trợ lớn nhất của Việt Nam, chiếm khoảng 30% tổng vốn từ tất cả các nhà tài trợ. Trong đó, phải kể đến một số chương trình, dự án có giá trị vốn vay ODA lớn, được ký kết như Chương trình hỗ trợ quản lý kinh tế và nâng cao khả năng cạnh tranh (EMCC 2) trị giá 147,60 triệu USD; Dự án xây dựng nhà máy điện Thái Bình 1 và đường dây truyền tải trị giá 358,11 triệu USD.

3.3. Đóng góp của vốn ODA từ Nhật Bản và Hàn Quốc tới tăng trưởng và phát triển kinh tế tại Việt Nam

Có thể thấy sự đóng góp lớn của vốn ODA từ Nhật Bản và Hàn Quốc đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Việt Nam thông qua tỷ trọng của các nguồn vốn này trong GDP toàn quốc. GDP được coi là thang đo lường “sức khỏe” của một nền kinh tế. Khi chỉ tiêu này có sự gia tăng cho thấy nền kinh tế có sự tăng trưởng và ODA đã góp phần thúc đẩy cho sự phát triển này.

Bảng 1: Tỷ trọng ODA của Nhật Bản và Hàn Quốc trong GDP của Việt Nam

Năm	GDP (triệu USD)	Tỷ trọng ODA trong GDP (%)	Tỷ trọng ODA Nhật Bản trong GDP (%)	Tỷ trọng ODA Hàn Quốc trong GDP (%)
2005	57.633,26	4,86	1,05	0,05
2006	66.371,66	4,44	0,85	0,05
2007	77.414,43	5,05	0,83	0,33
2008	99.130,30	4,40	0,62	0,24
2009	106.014,60	5,86	1,12	0,29
2010	115.931,75	2,77	0,70	0,26
2011	135.539,49	5,03	0,75	0,15
2012	155.820,00	3,78	1,06	0,19
2013	171.222,03	3,75	0,76	0,14
2014	186.204,65	2,34	0,82	0,08
2015	193.599,38	2,32	0,56	0,06

Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu của World Bank và OECD

Nhìn chung mức đóng góp của ODA vào tăng trưởng GDP đã có xu hướng dao động phù hợp với tình hình kinh tế theo các năm và thường tăng cao vào những thời kỳ kinh tế đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức (như trong thời kỳ khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu 2008 - 2009). Trong giai đoạn 2005 - 2015, ODA chiếm trung bình khoảng 4,05% GDP, một tỷ trọng không lớn, song có thể thấy tác động tích cực của nó trong việc kích cầu đầu tư, góp phần vào việc duy trì đà tăng trưởng kinh tế. So sánh chỉ tiêu này giữa Nhật Bản và Hàn Quốc cho thấy mức đóng góp của vốn ODA Nhật Bản trong GDP thường cao hơn so với mức đóng góp của ODA Hàn Quốc. Điều này cũng do lượng vốn ODA mà Nhật Bản đưa vào Việt Nam là lớn nhất trong số các nhà tài trợ, chiếm khoảng 30% trong tổng số vốn ODA Việt Nam nhận được.

Các nhà tài trợ Nhật Bản và Hàn Quốc hầu như cấp vốn nhiều hơn cả cho lĩnh vực giao thông vận tải, môi trường, phát triển con người, y tế, giáo dục... do đó góp phần vào tiến trình phát triển mạnh mẽ của Việt Nam hiện nay. Điều này thể hiện ở kết quả GDP tăng cao qua các năm từ

2010 do sự phát huy tác dụng đầu tư từ những năm trước khi mà các chương trình, dự án, hiệp định ODA đặc biệt là Nhật Bản được tăng lên mạnh mẽ thể hiện ở mức đóng góp cao trong GDP (giai đoạn 2005-2009 với mức đóng góp trung bình là 0,89%), đến giai đoạn 2010-2015 thì mức đóng góp trung bình đạt 0,77% do thời gian này Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định khi trở thành nước có thu nhập trung bình nên lượng vốn ODA vào Việt Nam cũng giảm. Điều này cho thấy sự tác động tích cực mạnh mẽ mà ODA Nhật Bản và Hàn Quốc đem lại cho Việt Nam. Riêng đối với ODA Hàn Quốc thì có sự gia tăng không ngừng khi mà mức đóng góp trong GDP tăng qua các năm.

Liên quan đến vốn vay ODA của Nhật Bản, Chính phủ Việt Nam và JICA đã và đang ưu tiên sử dụng vốn vay ODA Nhật Bản đầu tư vào những cơ sở hạ tầng quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Cách làm này được đánh giá cao vì đã góp phần cải thiện vượt bậc môi trường đầu tư của thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Có thể đưa ra một vài ví dụ mới đây như, từ tháng 1/2015, Hà Nội đã khánh thành Nhà ga

hành khách T2 Sân bay Quốc tế Nội Bài, thông xe cầu Nhật Tân và đường dẫn Sân bay Quốc tế Nội Bài, giúp cải thiện đáng kể tuyến huyết mạch lưu thông hàng hóa từ cửa ngõ quốc tế về trung tâm thành phố. Tương tự, tại thành phố Hồ Chí Minh, thông xe đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Dầu Giây đã giúp cải thiện đáng kể lưu thông từ Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu. Hơn nữa, vốn vay ODA Nhật Bản cũng đã và đang góp phần mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp Việt Nam. Ví dụ, giá trị hợp đồng mà các doanh nghiệp Việt Nam sở hữu trong giá trị hợp đồng vốn vay ODA của nhà thầu chính tăng 2,4 lần, từ 31.192 tỷ yên trong năm tài khóa 2010 lên 73.491 tỷ yên trong năm tài khóa 2014. Đồng thời, việc chuyển giao công nghệ những kỹ thuật cao từ các công ty Nhật Bản sang các công ty đối tác Việt Nam thông qua các dự án vốn vay của Nhật Bản cũng diễn ra rất mạnh mẽ.

4. Kết luận

Nhật Bản và Hàn Quốc là hai quốc gia viện trợ lớn nhất trong tất cả các đối tác song phương và đa phương của Việt Nam hiện nay. Dựa trên kết quả nghiên cứu, với tỷ lệ đóng góp trong GDP trung bình cả giai đoạn 2005-2015 của Hàn Quốc và Nhật Bản tương ứng là 0,17% và 0,83%, dòng vốn này đã có sự đóng góp tích cực cho sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tổng khối lượng vốn ODA ký kết trong cả giai đoạn lên tới 2172,8 triệu USD từ Hàn Quốc và 10988,29 triệu USD từ Nhật Bản tương ứng tỷ lệ 4,22% và 21,37% trong tổng vốn ODA của Việt Nam. Điều này cho thấy đây là hai quốc gia có vai trò lớn trong quá trình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đặc biệt trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ cho sự phát triển toàn diện của quốc gia. Từ đó cần có giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy sự thu hút ODA, tranh thủ nguồn lực này tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Kế hoạch và đầu tư. Truy cập ngày 06/08/2016 từ <http://oda.mpi.gov.vn/odavn/ODA%E1%BB%9FVi%E1%BB%87tNam/T%E1%BB%95ngquanv%E1%BB%81ODA/tabid/170/articleType/ArticleView/articleId/204/15-nm-ODA--Vit-Nam.aspx>.
- [2]. EDCF. (2005-2015). Truy cập ngày 18/08/2016, từ <https://www.edcfkorea.go.kr/site/program/board/basicboard/list?boardtypeid=306&phototype=list&menuid=005003003>
- [3]. JICA. (2005-2015). Annual Report. Truy cập ngày 10/18/2016, từ <https://www.jica.go.jp/english/publications/reports/annual/index.html>
- [4]. KOICA. (2005-2015). Annual Report. Truy cập ngày 10/08/2016, từ http://www.koica.go.kr/english/resources/annual_reports/index.html
- [5]. OECD. (2005-2015). Data results. Truy cập ngày 20/08/2016, từ <http://stats.oecd.org>
- [6]. Tạp chí tài chính. (15/10/2013). Tình hình thu hút vốn ODA của Việt Nam giai đoạn 1993-2012. Truy cập ngày 01/08/2016 từ <http://tapchitaichinh.vn/bao-cao-va-thong-ke-tai-chinh/tinh-hinh-thu-hut-von-oda-cua-viet-nam-giai-doan-19932012-34247.html>
- [6]. Viện nghiên cứu kinh tế Trung ương. (2011). Thu hút và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư gián tiếp nước ngoài. Trung tâm thông tin – tư liệu
- [7]. World Bank Open Data từ <https://data.worldbank.org/>

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Thùy Dung

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD – ĐH Thái Nguyên
- Địa chỉ email: dungktdt0711.tueba@gmail.com

2. Nguyễn Thị Thanh Huyền

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD – ĐH Thái Nguyên

Ngày nhận bài: 11/08/2017

Ngày nhận bản sửa: 29/9/2017

Ngày duyệt đăng: 11/10/2017